

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1452/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2026.
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Xuân Thảo
- Ông Nguyễn Cao Thắng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Ánh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1366/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 428/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Quế A**, sinh năm 1978. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số 049178000524 cấp ngày 30/6/2022.

Địa chỉ: **3 L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Bình P**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: **E Đường số A, khu Đ, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.** (Giấy ủy quyền lập ngày 24/9/2025).

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Lam H**, sinh năm 1978. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số 049078027521 cấp ngày 15/6/2023.

Địa chỉ: **3 L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - **Công an Thành phố Đ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. **Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và các bản tự khai, nguyên đơn bà **Phạm Quế A** trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Quế A** và ông **Nguyễn Lam H** kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 05/5/2005 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H, tỉnh **Quảng Nam**. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân hơn 10 năm nay. Do đó, bà **Quế A** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **H**.

Về con chung: Bà **Quế A** và ông **H** có một con chung tên **Nguyễn Huy K**, sinh ngày 14/10/2007 (đã thành niên).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Quế A** không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ngày 01/12/2025, bà **Quế A** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên xét xử.

2. Tại bản tự khai ngày 16/01/2026 (có xác nhận của Trại tạm giam số 2 - **Công an Thành phố Đ**), bị đơn ông **Nguyễn Lam H** trình bày:

Ông **Nguyễn Lam H** đồng ý để Tòa án xét cho bà **Quế A** được đơn phương ly hôn. Ông **H** đồng ý với ý kiến trình bày của bà **Quế A** về con chung, về tài sản chung và nợ chung.

Ngày 16/01/2026, ông **H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp và phiên xét xử (có xác nhận của Trại tạm giam số 2 - **Công an Thành phố Đ**).

* Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà **Quế A** và bị đơn ông **H** đều đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Quế A**. Bà **Quế A** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà **Phạm Quế A** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Lam H**; con chung hiện đã thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Xét đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2] Bà **Quế A** cung cấp bản sao chứng minh nhân dân của ông **H** thể hiện địa chỉ ông **H** tại 3 L, Phường F, quận B (nay là phường G), Thành phố Hồ Chí Minh và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - **Công an tỉnh Q** (nay là Thành phố Đà Nẵng).

Theo kết quả xác minh của Công an phường G, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông H có thường trú tại 3 L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng gia đình bán nhà đi khỏi địa phương từ ngày 28/6/2023. Ngày 28/12/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q bắt theo quyết định khởi tố bị can số 234/QĐ-CSKT. Đồng thời, theo xác nhận của Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố Đ, ông H hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Q (nay là Thành phố Đà Nẵng).

Do đó, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tranh chấp về ly hôn giữa bà Quế A và ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Về người đại diện: Theo nội dung giấy ủy quyền ngày 24/9/2025 tại Văn phòng C, bà Quế A ủy quyền cho ông Lê Bình P được quyền đại diện bà Quế A để nộp và nhận hồ sơ, lập và ký tên trên các văn bản giấy tờ có liên quan. Do đó, căn cứ Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), ông Lê Bình P được nộp tài liệu, chứng cứ và ký, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

[1.5] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Quế A và bị đơn ông H đều đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Quế A và ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2005 ngày 05/5/2005 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Phạm Quế A và ông Nguyễn Lam H là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ mọi việc trong cuộc sống nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà Quế A và ông H phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn và đã ly thân thời gian dài nên bà Quế A yêu cầu ly hôn với ông H và ông H đồng ý ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Quế A và ông H xác nhận có một con chung tên Nguyễn Huy K, sinh ngày 14/10/2027, đã thành niên.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Quế A không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quế A, đồng thời phù hợp với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; yêu cầu khởi kiện của bà Quế A được chấp nhận nên bà Quế A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà **Phạm Quế A** và ông **Nguyễn Lam H.**

2. Về con chung: Bà **Phạm Quế A** và ông **Nguyễn Lam H** có một con chung tên **Nguyễn Huy K**, sinh ngày 14/10/2027, đã thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Phạm Quế A** không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Án phí: Bà **Phạm Quế A** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0033571 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Phạm Quế A** đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 5 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường Minh An, TP. Hội An, Quảng Nam (nay là phường Hội An, TP. Đà Nẵng);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Ngọc Mỹ